

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sự

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trương Viết N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị với anh Trương Viết N tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn về kinh tế. Nhiều lần chị N góp ý để chồng sửa đổi nhằm cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chồng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến tháng 6/2019, vợ chồng đã sống ly thân, chị N về nhà cha mẹ ruột tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam sinh sống, còn chồng chị hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Viết N.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N có 01 con chung là Trương Viết K, sinh ngày 20-11-2016. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn anh Trương Viết N trình bày: Anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, anh Trương Viết N không đồng ý ly hôn với vợ là Trần Thị N, lý do là anh N còn tình cảm với vợ và không muốn con chung là Trương Viết K khổ, anh muốn anh và vợ cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy con. Hiện nay, anh N đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền nên không thể trực tiếp tham gia vụ án được, vì vậy anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

Về hôn nhân: Áp dụng các Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị N và anh Trương Viết N ly hôn.

Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trương Viết K cho chị N nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trương Viết N cư trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trương Viết N tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chồng không lo làm ăn. Tháng 6/2019 chị N về nhà cha mẹ ruột chị làm ăn sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, phần ai nấy sống, không quan tâm đến ai, tình cảm giữa hai người không còn nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Viết N. Anh N không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với vợ. Hiện nay anh N đang chấp hành án 7 năm 6 tháng tù tại Trại giam B theo Bản án số 10/2021/HS-ST ngày 01/6/2021 và Quyết định Thi hành án hình phạt tù số 33/2021/QĐ-CA ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy, việc anh N đang chấp hành án phạt tù thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh N có 01 con chung là Trương Viết K, sinh ngày 20-11-2016. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khang đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con. Cháu Khang có nguyện vọng ở với cha là anh N. Tuy nhiên, hiện nay anh N đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền, anh N không có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng con. Do đó, cần giao cháu K cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K thành niên (Đủ 18 tuổi) là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu K. Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có ý kiến về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị N khai không có, anh N không khai và không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trương Viết N ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Viết K, sinh ngày 20-11-2016 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0017887 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Chị N đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Đàn;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long

